

Số: 80/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành**
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng, được lập ngày 26/02/2025, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi tham chiếu tới thuyết minh số 5.9: “Tổng quỹ tiền lương năm 2024”, cho tới ngày phát hành báo cáo này, tổng quỹ tiền lương năm 2024 chưa được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định và chủ sở hữu là Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt, sau khi tổng quỹ lương tiền lương năm 2024 được Chủ sở hữu phê duyệt có khả năng tổng quỹ lương năm 2024 sẽ thay đổi, và khi đó, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 để phản ánh sự thay đổi này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.



Lưu Minh Tới**Phó Giám đốc phụ trách**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 06/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		52.873.865.146	53.642.795.451
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.424.535.377	1.230.180.543
1. Tiền	111		4.424.535.377	1.230.180.543
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.052.395.546	2.797.367.597
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.824.500.000	2.596.110.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		149.380.819	2.968.819
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	78.514.727	198.288.778
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	46.396.934.223	49.550.331.607
1. Hàng tồn kho	141		46.396.934.223	49.550.331.607
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	64.915.704
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.8	-	64.915.704
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.110.332.446	1.552.431.686
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		1.058.376.439	1.464.211.815
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	1.058.376.439	1.464.211.815
- Nguyên giá	222		11.647.233.517	11.647.233.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.588.857.078)	(10.183.021.702)
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	260		51.956.007	88.219.871
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	51.956.007	88.219.871
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		53.984.197.592	55.195.227.137

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		3.297.592.211	7.075.427.283
I- Nợ ngắn hạn	310		3.297.592.211	7.075.427.283
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	517.794.400	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		480.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	182.764.741	2.348.667.313
4. Phải trả người lao động	314	5.9	233.160.000	2.670.225.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		70.200.000	70.200.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	915.423.100	818.620.500
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		898.249.970	1.167.714.470
II- Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		50.686.605.381	48.119.799.854
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.11	50.686.605.381	48.119.799.854
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.430.000.000	35.430.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.091.256.439	12.091.256.439
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.165.348.942	598.543.415
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		598.543.415	(1.818.520.167)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		2.566.805.527	2.417.063.582
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		53.984.197.592	55.195.227.137

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Tấn Linh

Vũ Văn Long

Nguyễn Khánh Toàn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	20.109.646.000	21.797.281.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		20.109.646.000	21.797.281.000
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.034.569.546	10.329.429.800
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		11.075.076.454	11.467.851.200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.562.924	7.559.805
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	985.962.410	1.391.499.796
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.913.281.851	6.820.560.137
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.189.395.117	3.263.351.072
11. Thu nhập khác	31	6.6	20.000.000	24.300.000
12. Chi phí khác	32	6.6	710.567	601.302.648
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	19.289.433	(577.002.648)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.208.684.550	2.686.348.424
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	641.879.023	269.284.842
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.566.805.527	2.417.063.582

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Tấn Linh

Vũ Văn Long

Nguyễn Khánh Toàn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		21.666.343.600	19.328.468.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(7.307.499.673)	(5.428.988.913)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.251.046.200)	(6.254.479.684)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(541.284.842)	(396.900.151)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.141.415.772	1.000.000.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.527.136.747)	(8.887.085.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.180.791.910	(638.986.523)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	129.550.926
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.562.924	7.559.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.562.924	137.110.731
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.194.354.834	(501.875.792)
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.230.180.543	1.732.056.335
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	4.424.535.377	1.230.180.543
(70 = 50+60+61)				

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Tấn Linh

Vũ Văn Long

Nguyễn Khánh Toàn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 2200108639 đăng ký lần đầu ngày ngày 08/01/2010 được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp số 2200108639 thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2021 là: 35.430.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, bốn trăm ba mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SOC TRANG ONE MEMBER LIABILITY FORESTRY LIMITED COMPANY.

Tên viết tắt: SOC TRANG ONE MEMBER LIABILITY FORESTRY LIMITED COMPANY.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16 Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Tổng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 40 người (tại ngày 31/12/2023 là 40 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Trồng lúa; Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác;
- Trồng cây lấy củ có chất bột;
- Trồng cây mía;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Chi tiết. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến...

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Trồng, chăm sóc rừng và khai thác gỗ.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động trồng rừng, chu kỳ sản xuất kinh doanh từ 05 đến 08 năm; Các hoạt động khác, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường dưới 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên Chi nhánh	Địa chỉ, mã số Chi nhánh
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng - Phân trường Thạnh Trị	Áp Mỹ Hương, xã Long Bình, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Mã số Chi nhánh: 2200108639-002
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng - Phân trường Phú Lợi	Áp Đắc Thế, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Mã số Chi nhánh: 2200108639-003
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng - Phân trường Mỹ Phước 1	Áp Phước An, xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng Mã số Chi nhánh: 2200108639-005
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng - Phân trường Mỹ Phước 2	Áp Phước Trường B, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng Mã số Chi nhánh: 2200108639-006

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân phối sau khi được phê duyệt của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các loại thuế khác (Tiếp theo)*****Ưu đãi đầu tư***

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 5912000007 ngày 11/04/2007 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp, nhằm mục đích thực hiện dự án đầu tư “Rà soát, bổ sung điều chế rừng” nhận được các ưu đãi đối với dự án sau:

- Hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% (mười phần trăm được áp dụng trong 15 (mười lăm) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp cho 07 (bảy) năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại. Năm 2024 là năm thứ 16 theo đó, năm 2024 Công ty không còn thuộc đối tượng được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngoài các ưu đãi đầu tư nêu trên, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

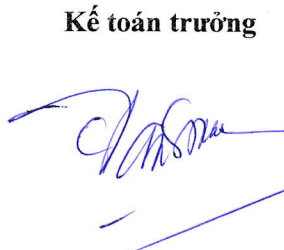
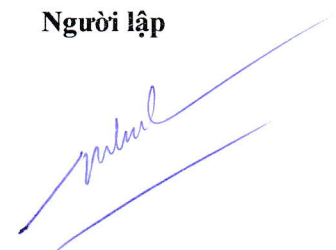
Việc xác định thuế thu nhập, bao gồm cả khoản miễn giảm thuế, của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc****Phan Tấn Linh****Vũ Văn Long****Nguyễn Khánh Toàn**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng tóm lược)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.873.865.146	53.642.795.451
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.424.535.377	1.230.180.543
II- Đầu tư tài chính dài hạn	120			
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.052.395.546	2.797.367.597
IV. Hàng tồn kho	140		46.396.934.223	49.550.331.607
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			64.915.704
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.110.332.446	1.552.431.686
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220	V.05	1.058.376.439	1.464.211.815
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.06	51.956.007	88.219.871
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		53.984.197.592	55.195.227.137
Nguồn Vốn	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.297.592.211	7.075.427.283
I. Nợ ngắn hạn	310		3.297.592.211	7.075.427.283
II. Nợ dài hạn	330			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.686.605.381	48.119.799.854
I. Vốn chủ sở hữu	410		50.686.605.381	48.119.799.854
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		53.984.197.592	55.195.227.137

Lập, Ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Tấn Linh

Vũ Văn Long

Nguyễn Khánh Toàn



Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Sóc Trăng
Số 16 Hùng Vương, P6, TPST, Tỉnh Sóc Trăng

Mẫu số B02b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Dạng tóm lược)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		20.109.646.000	21.797.281.000
2. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	31		33.562.924	31.859.805
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.208.684.550	2.686.348.424
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.566.805.527	2.417.063.582

Lập, Ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Tấn Linh

Vũ Văn Long

Nguyễn Khánh Toàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Dạng tóm lược)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.180.791.910	(638.986.523)
2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.562.924	137.110.731
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
4. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.194.354.834	(501.875.792)
5. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.230.180.543	1.732.056.335
6. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
7. Ảnh hưởng của tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62			
8. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61+62)	70		4.424.535.377	1.230.180.543

Lập, Ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Tấn Linh

Vũ Văn Long

Nguyễn Khánh Toàn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 2200108639 đăng ký lần đầu ngày 08/01/2010 được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp số 2200108639 thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2021 là: 35.430.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, bốn trăm ba mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SOC TRANG ONE MEMBER LIABILITY FORESTRY LIMITED COMPANY.

Tên viết tắt: SOC TRANG ONE MEMBER LIABILITY FORESTRY LIMITED COMPANY.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16 Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Tổng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 40 người (tại ngày 31/12/2023 là 40 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Trồng lúa; Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác;
- Trồng cây lấy củ có chất bột;
- Trồng cây mía;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Chi tiết. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến...

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Trồng, chăm sóc rừng và khai thác gỗ.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động trồng rừng, chu kỳ sản xuất kinh doanh từ 05 đến 08 năm; Các hoạt động khác, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường dưới 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên Chi nhánh	Địa chỉ, mã số Chi nhánh
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng - Phân trường Thạnh Trị	Ấp Mỹ Hương, xã Long Bình, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Mã số Chi nhánh: 2200108639-002
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng - Phân trường Phú Lợi	Ấp Đắc Thế, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Mã số Chi nhánh: 2200108639-003
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng - Phân trường Mỹ Phước 1	Ấp Phước An, xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng Mã số Chi nhánh: 2200108639-005
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng - Phân trường Mỹ Phước 2	Ấp Phước Trường B, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng Mã số Chi nhánh: 2200108639-006

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân phối sau khi được phê duyệt của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty bao gồm doanh thu bán các thành phẩm rừng trầm và các phụ phẩm từ lâm sản.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm trồng rừng và lâm sản phụ.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính (tiền lãi), và các khoản thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Nguyên tắc kế toán chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp, được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các loại thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các loại thuế khác (Tiếp theo)*****Ưu đãi đầu tư***

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 5912000007 ngày 11/04/2007 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp, nhằm mục đích thực hiện dự án đầu tư “Rà soát, bổ sung điều chế rừng” nhận được các ưu đãi đối với dự án sau:

- Hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% (mười phần trăm được áp dụng trong 15 (mười lăm) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp cho 07 (bảy) năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại. Năm 2024 là năm thứ 16 theo đó, năm 2024 Công ty không còn thuộc đối tượng được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngoài các ưu đãi đầu tư nêu trên, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập, bao gồm cả khoản miễn giảm thuế, của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc****Phan Tấn Linh****Vũ Văn Long****Nguyễn Khánh Toàn**